

Số: 08 /2021/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 31 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và mức chi
cụ thể cho các hoạt động khuyến công**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của
Chính phủ về khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 3195/TTr-
SCT ngày 29 tháng 12 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2021 và thay thế Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (HN-TP.HCM);
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- UBMTTQVN TPCT và các đoàn thể;
- Sở, ban ngành TP;
- UBND quận, huyện;
- Công TTĐT TPCT;
- VP UBND TP (3B);
- Lưu: VT. NNQ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Văn Hồng

QUY CHẾ

Quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công

(Ban hành kèm theo Quyết định số 08 /2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3
năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cụ thể cho hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn các huyện Phong Điền, Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

2. Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

3. Các tổ chức, cá nhân tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 3. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến công

1. Ngân sách thành phố bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến công địa phương theo quy định phân cấp về ngân sách thành phố và ngân sách cấp huyện.

2. Ngoài các nguồn kinh phí nêu trên, Sở Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác, lồng ghép các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện tốt mục tiêu của khuyến công. Đối với nguồn kinh phí cấp huyện, cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm huy động.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công

1. Kinh phí khuyến công bảo đảm chi cho những hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân các cấp quản lý và tổ chức thực hiện đối với hoạt động khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn có ý nghĩa phù hợp chiến lược, quy hoạch của địa phương và các chương trình, đề án nhằm mục tiêu phát triển công nghiệp, bảo tồn và phát triển ngành nghề truyền thống.

2. Đề án, nhiệm vụ khuyến công địa phương thực hiện theo chương trình khuyến công giai đoạn và kế hoạch khuyến công hàng năm được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

Điều 5. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí khuyến công phải đảm bảo các điều kiện như sau:

1. Nội dung nhiệm vụ, đề án phù hợp với nội dung quy định tại Điều 4 và ngành nghề phù hợp với danh mục ngành nghề quy định tại Điều 5 của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công.

2. Nhiệm vụ, đề án được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

3. Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt (sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ).

4. Cam kết của tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc thụ hưởng từ đề án khuyến công chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước cho cùng một nội dung chi được kinh phí khuyến công hỗ trợ.

5. Tổ chức dịch vụ khuyến công, tổ chức dịch vụ khác có kinh nghiệm, năng lực để triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công (trừ các hoạt động do cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp thực hiện).

Điều 6. Nội dung chi và mức chi cho hoạt động khuyến công địa phương

Mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương được quy định cụ thể như sau:

1. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật:

a) Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 30% tổng chi phí đầu tư nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình.

b) Mô hình của các cơ sở công nghiệp đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức cá nhân khác học tập; bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/mô hình.

2. Chi hỗ trợ mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, bao gồm thay thế nguyên, nhiên vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho mô hình trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 30% tổng chi phí đầu tư nhưng không quá 400 triệu đồng/mô hình.

3. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ 50% tổng chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở. Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ là 1,5 lần mức hỗ

trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

4. Chi tổ chức bình chọn và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tiêu biểu cấp thành phố, cấp huyện, như sau:

a) Chi tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp thành phố, cấp huyện: mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/lần đối với cấp thành phố và 20 triệu đồng/lần đối với cấp huyện.

b) Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn: sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp thành phố 04 triệu đồng/sản phẩm; sản phẩm công nghiệp nông thôn cấp huyện 02 triệu đồng/sản phẩm.

5. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tiêu biểu. Mức hỗ trợ 35 triệu đồng/nhãn hiệu.

6. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ 50% tổng chi phí, nhưng không quá 30 triệu đồng/cơ sở.

7. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng đặt hàng giao nhiệm vụ với cơ quan thông tin đại chúng (cơ quan báo, đài) và tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động các lĩnh vực trên trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao hàng năm.

8. Chi hỗ trợ để thành lập hội, hiệp hội ngành nghề lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cấp thành phố, cấp huyện, như sau:

a) Cấp thành phố: Mức hỗ trợ 30% chi phí, nhưng không quá 50 triệu đồng/hội, hiệp hội.

b) Cấp huyện: Mức hỗ trợ 30% chi phí thành lập, nhưng không quá 30 triệu đồng/hội, hiệp hội.

9. Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp. Mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 150 triệu đồng/cụm liên kết.

10. Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp (hỗ trợ sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư); mức hỗ trợ 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong 02 năm đầu nhưng không quá 400 triệu đồng/cơ sở. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Với mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng phát triển Việt Nam.



11. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 30% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở.

12. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ 30% chi phí, nhưng không quá 1.500 triệu đồng/cụm công nghiệp.

13. Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng không quá 500 triệu đồng/cụm công nghiệp.

14. Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; bao gồm: san lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 5.000 triệu đồng/cụm công nghiệp.

15. Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo:

a) Chi đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động áp dụng theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.

b) Chi đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp để duy trì, phát triển nghề và hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn. Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Chi tổ chức các khóa đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp áp dụng theo Thông tư số 49/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

d) Chi tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho giảng viên và cán bộ khuyến công áp dụng theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Cần Thơ.

16. Chi thù lao cộng tác viên khuyến công: mức chi thù lao cho cộng tác viên khuyến công không quá 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng theo danh sách được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

17. Chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm cho các cơ sở công nghiệp, cụ thể như sau:

a) Các cơ sở công nghiệp có sản phẩm công nghiệp tiêu biểu cấp quốc gia: chi phí mua sắm ban đầu, trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ không quá 70 triệu đồng/phòng trưng bày.

b) Các cơ sở công nghiệp có sản phẩm công nghiệp tiêu biểu cấp khu vực: chi phí mua sắm ban đầu, trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/phòng trưng bày.

18. Chi quản lý chương trình, dự án, đề án khuyến công:

a) Sở Công Thương là cơ quan quản lý kinh phí khuyến công, được sử dụng 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định, xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác (nếu có). Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Trung tâm Khuyến công và Tiết kiệm năng lượng Cần Thơ là đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công, được chi 3% trên tổng kinh phí hỗ trợ các đề án khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để chi cho công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu; chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, in ấn, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, thuê xe đi kiểm tra; tổ giúp việc; chi khác (nếu có).

19. Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước, bao gồm: hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban Tổ chức Hội chợ triển lãm trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước, mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng.

20. Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài, hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của khu vực Việt Nam (bao gồm cả gian hàng quốc gia nếu có); chi phí tổ chức khai mạc nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, thông tin tuyên truyền); chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, khánh tiết); chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

21. Chi tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài: hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài. Số người được hỗ trợ theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố.

22. Đối với các nội dung chi nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công, bao gồm:

a) Biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo về khuyến công và giới thiệu, hướng dẫn kỹ thuật, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn áp dụng theo Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng

chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công thực hiện theo quy định tại Điểm d Khoản 16 Điều 6 của Quy chế này.

c) Tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước; xây dựng, duy trì và phổ biến các cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về khuyến công, sản xuất sạch hơn: mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Tổ chức hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công, mức chi thực hiện theo Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

đ) Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho Trung tâm khuyến công thành phố: mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Thù lao cho công tác viên để duy trì mạng lưới công tác viên khuyến công thực hiện theo quy định tại Khoản 17 Điều 6 của Quy chế này.

g) Xây dựng chương trình khuyến công từng giai đoạn và kế hoạch khuyến công hàng năm: mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

h) Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, đề án khuyến công: mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

23. Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho các chương trình, đề án, nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, đảm bảo thu hút được các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, áp dụng sản xuất sạch hơn vào các địa bàn và ngành nghề cần ưu tiên nhưng không quá 1,5 lần mức hỗ trợ quy định trên đây.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Công Thương:

a) Hàng năm, căn cứ số kiểm tra được cấp có thẩm quyền thông báo; căn cứ vào chương trình khuyến công của thành phố được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và mức chi được quy định tại Điều 6 Quy chế này, Sở Công Thương lập dự toán kinh phí khuyến công, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định theo quy định.

Căn cứ vào dự toán được giao, Sở Công Thương phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình khuyến công địa phương chi tiết theo đơn vị và nội dung quy định tại Quy chế này, gửi Sở Tài chính để kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Kinh phí khuyến công địa phương được phân bổ cho đơn vị dự toán trực thuộc Sở Công Thương trên cơ sở dự toán nhiệm vụ khuyến công được giao.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan tài chính cùng cấp hướng dẫn, kiểm tra định kỳ, đột xuất; giám sát và đánh giá tình hình thực hiện các đề án khuyến công, đảm bảo việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan phổ biến Quy chế này trên các phương tiện thông tin đại chúng để các đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố biết và thực hiện

d) Theo dõi, đánh giá định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện các nhiệm vụ, đề án khuyến công trên địa bàn thành phố.

đ) Định kỳ hàng quý (hoặc đột xuất), tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Công Thương về hoạt động khuyến công trên địa bàn thành phố.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

a) Tổng hợp dự toán kinh phí khuyến công hàng năm do Sở Công Thương lập, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

b) Phối hợp Sở Công Thương thẩm định các đề án khuyến công trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; thẩm định, quyết toán kinh phí khuyến công hàng năm theo quy định.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Hàng năm, căn cứ vào đặc điểm tình hình phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên từng địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch và đề xuất các chương trình, kế hoạch khuyến công triển khai trên địa bàn.

b) Phối hợp với Sở Công Thương, các sở, ban ngành có liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của các đề án theo định kỳ và đột xuất, bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí chương trình đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả.

c) Chỉ đạo Phòng Kinh tế, Kinh tế hạ tầng theo dõi, đánh giá, báo cáo Sở Công Thương về hoạt động khuyến công tại địa phương.

4. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện nhiệm vụ khuyến công và cơ sở công nghiệp nông thôn được hỗ trợ:

a) Lập đề án và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện đề án theo quy định.

b) Tổ chức triển khai thực hiện đề án theo các nội dung đã được phê duyệt, các điều khoản của hợp đồng ký kết; sử dụng kinh phí đúng theo quy định hiện hành của nhà nước, đảm bảo hiệu quả, đúng mục đích và chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trường hợp có thay đổi, phát sinh trong quá trình thực hiện phải kịp thời báo cáo Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cùng cấp để giải quyết.

c) Tạo điều kiện thuận lợi trong công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát việc thực hiện và nghiệm thu các đề án; thực hiện thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

d) Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm pháp lý về các thông tin đã cung cấp, có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu trong quá trình xây dựng, thực hiện đề án khuyến công.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Khi văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy chế này thay đổi thì áp dụng theo quy định tại các văn bản mới.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan phải bảo đảm thực hiện đúng các quy định của Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung theo quy định. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hồng